

## Đề bài

Theo Xuân Diệu, “trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là ba bài thơ mùa thu: Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh”. (Nguyễn Khuyến – Về tác giả và tác phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, trang 160).

Anh, chị hãy phân tích những sáng tác trên trong mối quan hệ đối sánh để làm bật vẻ đẹp độc đáo của từng thi phẩm, từ đó nêu vắn tắt yêu cầu đối với một tác phẩm văn học.

(Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 2002, bảng A)

## Bài làm 1

*Thu là thơ của đất trời*

*Thu là thơ của lòng người.*

Thu và thơ từ bao giờ đã là đôi bạn tri âm. Thu vào thơ mang theo nguồn thi hứng dạt dào. Thơ làm cho thu thêm phần đẹp đẽ hơn, nên thơ hơn gấp bội. Chẳng thế mà thơ về mùa thu đã góp một gia tài khổng lồ trong văn chương nhân loại. Chỉ riêng văn học Việt Nam cũng đủ tạo nên một kho thơ thu với *Cảm thu*, *Tiểu thu* (Tản Đà), *Đây mùa thu tới*, *Ý thu* (Xuân Diệu)... và nhất là chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến. “Trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là ba bài thơ mùa thu: *Thu điếu*, *Thu ẩm*, *Thu vịnh*” (Xuân Diệu). Mỗi bài một vẻ đẹp riêng, sức hấp dẫn riêng trong sự hòa điệu của hồn thơ thu Nguyễn Khuyến.

Mùa thu đi vào thơ ca thành nguồn mạch ngọt ngào vun đắp cho dòng thơ. Mỗi bài thơ là một vẻ hấp dẫn, mang theo sức hút, độ nặng, tầm cao riêng. Thu vốn đẹp là buồn. Thu vào thơ càng đẹp hơn, buồn hơn dưới cảm quan tinh tế của thi sĩ. Tâm hồn nhà thơ vốn mãi cảm trước cái đẹp, tinh tế nhận ra một nét thu buồn, một vẻ thu thơ mộng, mê say. Trước đất trời, cảnh vật mùa thu, Nguyễn Khuyến đã để cung đàn cảm xúc của mình ngân lên, bùng cháy lên thành những vần thơ tuyệt bút. Dường như mùa thu đã hút lòng thi sĩ. Một bài thơ về thu chưa thỏa, không thỏa tình yêu và xúc cảm của thi nhân trước thu. Chùm thơ ba bài về mùa thu: *Thu điếu*, *Thu vịnh*, *Thu ẩm* ra đời thỏa nỗi lòng Nguyễn Khuyến. Mỗi bài mỗi vẻ mà bài nào cũng hay, cũng thấm sâu vào tâm hồn bạn đọc và bám rễ chắc ở đây, “động thấu tới những miền sâu xa nhất của trái tim con người”.

Viết về mùa thu, Nguyễn Khuyến đã gặp gỡ không chỉ thi ca truyền thống mà còn thi ca hiện đại, không chỉ thi ca Việt Nam mà cả thi ca nước ngoài, không chỉ gặp gỡ hồn thơ Á Đông mà còn gặp gỡ hồn thơ phương Tây trước mùa thu. Dường như mùa thu trở thành nơi giao hòa, cộng hưởng, là điểm hẹn của tâm hồn thi sĩ muôn phương, ngàn đời.

Vẫn là mùa thu làng cảnh Việt Nam bình dị nhưng dưới con mắt, tâm hồn cảm nhận tinh tế của Nguyễn Khuyến, mùa thu hiện lên mang những gương mặt, dáng điệu khác nhau. Nếu *Thu điếu* là bức tranh mùa thu xanh, sắc xanh trải ngàn, lênh láng. *Thu vịnh* là bức tranh mùa thu của gió nhẹ trời cao xanh trong, của tâm trạng hoài niệm thì *Thu ẩm* là bức tranh mùa thu đa vẻ đa diện được cảm nhận trong nhiều thời điểm, nhiều không gian.

Vẫn là bầu trời thu xanh ngắt nhưng mỗi bài thơ là một sắc điệu riêng:

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao*

*(Thu vịnh)*

*Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*

*(Thu ẩm)*

## Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt

(Thu điếu)

*Xanh ngắt* là màu xanh như thế nào? Chỉ một từ nhưng Nguyễn Khuyến đã thu được và lấy hồn trời thu lên trang thơ. Một màu xanh đến quá quắt. Bầu trời mùa thu không chỉ xanh, đó còn là bầu trời cao vời vợi, xanh bát ngát, rộng mênh mông. Không gian mở ra khoáng đạt đến vô cùng. Xanh ngắt trở thành “nhãn tự” của câu thơ, trở thành linh hồn của trời thu. Bầu trời dưới con mắt Nguyễn Khuyến đẹp lạ, cao, xa, rộng đến ngút ngàn tầm mắt. Nó trở thành phong nền cho bức tranh thu.

Vẫn là màu *xanh ngắt* ấy nhưng khi thì Nguyễn Khuyến nói lời cảm nhận, miêu tả: *Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao* – một nét vẽ cho màu xanh chảy tràn suốt mấy tầng trời cao rộng; lúc khác lại là một bản khảo, một thắc mắc: *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*

Hắn tạo hóa nhiệm màu nhuộm sắc *xanh ngắt* cho da trời mùa thu. Trước sắc màu tươi sáng của trời thu, thi sĩ sao tránh khỏi thảng thốt giật mình vì vẻ đẹp mê say ấy. Câu hỏi không cần lời đáp. Hỏi chỉ để thể hiện sự ngạc nhiên, thảng thốt trước vẻ thu.

Phải chăng sự cấu tứ, tổ chức ngôn từ khác nhau khiến sắc *xanh ngắt* kia sống mãi trong cả ba bài thơ thu? Ta giật mình gặp lại sắc màu nhưng ta còn giật mình, thú vị hơn khi được thay đổi góc độ cảm nhận sắc màu ấy theo lăng kính thi nhân. Nguyễn Khuyến quả đã đạt đến độ nhuần nhuyễn, điêu luyện của sự sáng tạo trong thi ca. Sắc *xanh ngắt* đã mới, đã là sự sáng tạo; cách thể hiện sắc *xanh ngắt* còn mới mẻ, độc đáo hơn. Ba câu thơ, ba hình ảnh thơ mà không rơi vào thể nhàm chán, đơn điệu. Ngược lại, câu chữ cuốn người đọc vào hành trình bất tận khám phá vẻ đẹp mùa thu.

Đến với thế giới mùa thu trong *Thu điếu*, ta cơ hồ nhận ra cái gì cũng nhỏ bé, cũng khẽ khàng.

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.*

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*

*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*

Một chiếc thuyền bé lại còn bé tẻo teo. Tưởng chừng hình ảnh thu nhỏ hết cỡ. Trong không gian đầy ao đầm của làng quê Nguyễn Khuyến, con thuyền cũng nhỏ bé thôi, nhẹ nhàng trôi trên ao. Nếu không phải trong ao hẳn con thuyền sẽ chẳng bé tẻo teo như thế. Và cũng vì trong ao nên sóng biếc cũng chỉ hơi gợn tí. *Gợn* vốn là sự chuyển động rất mỏng, rất nhỏ, khó thấy... vậy mà câu thơ Nguyễn Khuyến lại dùng *hơi gợn tí*. Sự kết hợp từ ngữ độc đáo, mới lạ đã đưa hoạt động như có như không đạt đến độ vi mô, tế vi nhất. Ngay cả *lá vàng trước gió* cũng chỉ *khẽ đưa vèo* nhẹ nhàng, sẽ sàng. Câu thơ không tả gió, chỉ tả lá rơi mà vẻ nhẹ nhàng man mác của gió heo may vẫn được hiển hiện. Ba câu thơ, ba hình ảnh, ba nét vẽ mà hình ảnh nào cũng nhỏ bé, nhẹ nhàng, nét vẽ nào cũng thanh thoát. Chỉ “lấy bút tí ti”

mà khí thu, hơi thu đã hiện lên, dù nhẹ... Đặc biệt *Thu điếu*, với việc gieo vần *eo*, đã tạo nên cảm giác cái gì cũng thu nhỏ lại. Hoạt động cũng ít ỏi thôi. Âm thanh cũng nhẹ nhàng thôi, không gian hầu như tĩnh lặng tuyệt đối. Phải gắn bó với làng quê Việt Nam, phải tinh tế trong cảm nhận lắm, Nguyễn Khuyến mới thu vào trong thơ mình nét dịu nhẹ, cơ hồ như có như không, như hữu hình mà cũng như vô hình của nét thu. Khí thu khác hẳn với cảm nhận của Đỗ Phủ trong *Thu hứng*: *Hơi thu hiu hắt, khí thu lòa*. Thu trong cảm quan nhà thơ mang linh hồn Việt Nam nhẹ nhàng và thanh sơ.

Cũng thể hiện sự nhẹ nhàng, man mác của gió thu, tiết thu, Nguyễn Khuyến trong *Thu vịnh* viết:

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*

Nếu trong *Thu điếu*, Nguyễn Khuyến lấy cái động của sóng, của lá vàng để tả gió, nói gió thì ở đây, trong *Thu vịnh*, nhà thơ lại dùng hình ảnh *cần trúc lơ phơ* để thể hiện sự dịu dàng, man mác của gió heo may đầu thu. *Cần trúc* là một hình ảnh rất quen, rất điển hình của làng quê Việt Nam, nhất là vùng đồng bằng Bắc Bộ. Những đợt măng qua thời gian lớn lên, khẽ cong trước gió như *cần trúc*. Nhưng chỉ *lơ phơ, hắt hiu* miêu tả sự mỏng cùng song hành trong một câu thơ đã lắng vào đây, quyện vào đây không gian đất trời mùa thu, quyện vào đây hơi thu, khí thu, một nét thu rất Việt Nam nhẹ và êm.

Hòa trong khí thu, tiết thu thanh cao, dịu nhẹ ấy, không gian, khung cảnh mùa thu cũng mở ra nhiều chiều nên thơ và say mê lòng người. Tập trung nhất, cảm nhận nét thu dịu dàng, thơ mộng nhất có lẽ là ở bài thơ *Thu điếu*:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.  
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*

*Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,  
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,  
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Không gian bức tranh mở ra tại *ao thu lạnh lẽo*, cái lạnh không thấm vào da thịt, không buốt xương, nó chỉ nhẹ nhàng, mỏng man. *Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*. Lững lờ trên mặt nước ao thu ấy. *Nước trong veo*, xanh, trong, và sáng đến vô ngần. Phải trong, phải xanh, nhất là phải rất sáng mới có được làn nước *ao trong veo* như thế. Đến sóng gợn cũng phải *biếc*, cũng chứa sắc xanh đến nao lòng người. Cùng hòa điệu với nước xanh, sóng xanh là bầu trời *xanh ngắt*. Sắc xanh như đổ tràn, kết nối mặt nước bầu trời. Bầu trời xanh in bóng xuống mặt nước khiến mặt nước vốn trong lại xanh thêm.

Mặt nước phải tĩnh lặng như tấm gương khổng lồ của tạo vật để bầu trời kia nghiêng mình soi bóng. Trời và nước giao hòa, kết nối. Trời cao vợi vợi, nước sâu thăm thẳm, tất cả đều kéo giãn không gian, mở rộng khoảng cách, tưởng không có gì hơn giữa cõi thăm thẳm của nước trời độ thu. Giữa không gian cao, rộng và sâu ấy, chiếc lá vàng vốn nhỏ càng nhỏ thêm, rợn ngợp thêm. Sắc vàng duy nhất như đâm xuyên giữa bao nhiêu là sắc xanh. Một chiếc lá, một sắc vàng nhỏ xíu khế đung đưa, trở thành tâm điểm, nổi bật lên trên nền không gian ấy. Bức tranh thiên nhiên cảnh vật rất thật và đẹp, sống động và xinh xắn. Nhìn sắc vàng của lá, ta nhớ đến câu thơ:

*Một lá ngô đồng rụng*

*Thiên hạ biết thu sang*

Chẳng cần nhiều sắc vàng của lá. Không gian mùa thu Việt Nam dưới cái nhìn của Nguyễn Khuyến gọi sắc xanh, khác hẳn màu áo *mơ phai* trong thơ Xuân Diệu:

*Đây mùa thu tới – mùa thu tới*

*Với ao mơ phai dẹt lá vàng.*

Đâu cứ phải sắc vàng mới dẹt nên mùa thu, đâu cứ phải chỉ bức tranh *Mùa thu vàng* của Lêvitan mới đẹp, mới đắm say lòng người. Nguyễn Khuyến, bằng vốn ngôn ngữ giàu chất gợi, chất họa, đã vẽ nên một màu thu xanh nên thơ rất Việt Nam làm say đắm lòng bất cứ một người nào đã từng sống với thu, với làng quê đất Việt trong tiết thu. Thậm chí, những câu này của Nguyễn Khuyến đủ giúp ai chưa từng sống ở cảnh ấy, không gian ấy thêm yêu mến và khát khao tìm về hòa điệu cùng cảnh vật, lòng người hay chí ít, đủ tạo cảm giác ta đã sống, đã cảm nhận sâu sắc, cảm nhận đủ đầy mùa thu Việt Nam nơi chốn quê thanh bình, yên tĩnh.

Khác với không gian *Thu điếu*, *Thu vịnh*, bài thơ *Thu ẩm* lại tạo nên một vẻ đẹp khác rất quen mà sao vẫn hấp dẫn, cuốn hút, mê say. Bài thơ mở ra không phải là không gian cao trong, rộng rãi, khoáng đạt đến vô cùng của *Thu điếu*, *Thu vịnh*, không phải là trời mây, non nước, là thiên nhiên tạo vật đắm say. Bài thơ mở ra một không gian gần gũi, thân thuộc của quê nghèo Việt Nam buổi ấy:

*Năm gian nhà cỏ thấp le te*

*Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe.*

Năm gian nhà cỏ hiện lên đủ để tạo cảm nhận về sự nghèo đói của quê hương, của đời riêng Nguyễn Khuyến nhưng còn nghèo hơn, khổ hơn, tăm tối hơn với cụm từ *thấp le te*. Đã *thấp* lại còn *le te*! Tưởng như năm gian nhà chạm đất được. Phải chăng đây là hình ảnh rất chân thực của làng quê ông, một vùng đồng bằng chiêm trũng chưa mưa đã úng, quanh năm đói nghèo? Cảnh vẫn đẹp, vẫn nên thơ say lòng nhưng cuộc sống thì lấm lem, nghèo đói:

*Năm gian nhà cỏ thấp le te  
Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe.*

*Nhà thấp.* Một sự tối. Lại thêm *ngõ tối, đêm sâu*. Không gian càng tối đen, ngọt ngọt hơn. Giữa đêm tối mịt mùng, sự *lập lòe* của đóm đóm không làm sáng lên không gian, không làm ấm lên. Ngược lại cảm giác tối càng rợn ngợp hơn, đặc quánh lại, đầy ám ảnh. Phải nói rằng, Nguyễn Khuyến đã rời khỏi không gian tràn đầy ánh sáng, tràn đầy màu sắc đẹp đẽ của thu để trở về cảm thương trước cảnh sống, trước không gian sống quen thuộc quanh mình. Đọc những vần thơ ấy, trước hiện thực tâm tối ấy. Bài thơ vì thế như ngớt sang hướng khác, không còn nữa sự thanh thoi, thư thái trước đất trời tạo vật. Thế nhưng:

*Lung giậu phát phơ màu khói nhạt,  
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*

Câu thơ không tả trăng, chỉ gọi về trăng nhưng đủ để vẽ đẹp ấy ngời tỏa, lung linh. Ta đã gặp nhiều hình ảnh về trăng trong thơ, nhất là thơ thu. Đây là trăng trong thơ Xuân Diệu: *Thình thoảng nàng trăng tự ngân ngơ* – một vàng trăng như người con gái đầy tâm trạng ngân ngơ. Và đây là trăng thu trong thơ Bác: *Trung thu trăng sáng như gương*. Nó khác hẳn trăng trong thơ Nguyễn Khuyến. Trăng không hiện hình, trăng ẩn mặt. Nhưng mặt ao vẫn soi được bóng trăng. Trăng dát bạc lên mặt ao khiến cho không gian lung linh, lóng lánh đầy ánh sáng. Sắc trăng, ánh trăng như loe dài, như ln tỏa trên mặt ao. Từ *loe* được Nguyễn Khuyến sử dụng rất đắt, tạo nên duyên riêng của trăng, của câu thơ, tạo nên vẻ đẹp riêng của bài thơ.

Có thể nói, bức tranh cảnh thu ở mỗi bài thơ là một vẻ riêng, một nét đẹp riêng không hòa lẫn. Cùng với việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, điêu luyện, Nguyễn Khuyến đã góp những tiếng thơ hay, những bài thơ hấp dẫn, độc đáo trong thơ thu. Có lẽ hiếm có một tác giả nào có thể để lại chùm thơ cùng đề tài sống mãi, cuốn hút, giành được sự yêu mến mãi như Nguyễn Khuyến với ba bài thơ mùa thu: *Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh*.

Đặc biệt không chỉ sáng tạo mới mẻ trong thể hiện cảnh thu, Nguyễn Khuyến còn đặt dấu ấn riêng trong hình ảnh nhân vật trữ tình. Tất cả đều mang nét buồn nhưng mỗi bài thơ là một vẻ riêng, một sự buồn riêng không giống nhau. Ở *Thu điếu*, nhân vật trữ tình dường như chìm khuất trong hình ảnh. Hiện hiện lên trang thơ là con người vui thú “an bần lạc đạo”, vui cùng điền viên nhưng kì thực đã thả hồn theo đất trời thu hay nỗi niềm gì lẫn khuất tự bao giờ. *Tựa gối ôm cần* nhưng chẳng hề chú tâm đến việc câu. *Thu điếu* vậy mà điếu hầu như chẳng được mây may bận tâm. Cái còn lại có chẳng chỉ là con người mang nặng tâm trạng, tìm về với thiên nhiên đất trời để “thanh lọc tâm hồn”, để tìm chỗ nghỉ trên chặng đường đời. Ở *Thu ẩm* ấy lại là người uống rượu. Say sưa với tâm sự u uẩn, gửi vào đó bao nhiêu nỗi niềm không thể nào giải tỏa. Con *mắt đỏ hoe* kia hẳn không phải là say

rượu. Có lẽ đó là do khóc chào đời, cho kiếp người chẳng? Đằng sau vẻ uông rượu đến say nê, đằng sau hình ảnh *mắt lão không vầy cũng đổ hoe* kia chứa đựng biết bao nhiêu tâm trạng, bao nhiêu nỗi niềm.

Rồi nữa, ở *Thu vịnh* lại là con người mang tâm trạng hoài niệm xa xăm:

*Mấy chòm trước giậu hoa năm ngoái*

*Một tiếng trên không ngỗng nước nào?*

Tâm trạng thẳng thốt như đang gửi ở phương nào nay sức tỉnh. Thi hứng tràn về, vậy mà chẳng thể nào cất bút: *Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào*. Thẹn vì lẽ tài thơ chưa bằng hay thẹn vì nỗi không có khí phách, chí khí của Đào Tiềm? Có lẽ là cả hai nhưng căn cốt vẫn ở phần sau. Phải chăng đó cũng là nỗi lòng u uẩn trong hai bài thơ trên chưa thể nói ra. Cùng một tâm trạng, cùng một nỗi lòng nhưng mỗi lần mỗi khác, những nét vẽ riêng, những diện mạo riêng không hòa lẫn.

Cái gì đã giúp cho chòm ba bài thơ thu này vượt qua sự băng hoại của thời gian, tồn tại mãi trên dòng thơ ở tầm cao, ở chiều sâu của nó, chiếm lĩnh, ăn sâu trong lòng bạn đọc? Phải chăng là bởi cả ba bài thơ đã được tinh luyện, chắt lọc từ hiện thực cuộc đời đẹp đẽ, nên thơ xen lẫn cả những vất vả, lầm lem bùn đất? Hiện thực vẻ đẹp quê hương qua lăng kính của nhà thơ đã khúc xạ, phát quang lên trang viết. Hiện thực mà không sao chép, không quy chụp. Ngược lại, Nguyễn Khuyến đã hút lấy phần tinh túy nhất, sâu sắc nhất của hồn thu, của tình người để tạo nên trang thơ thật tinh tế.

Vẻ đẹp quê hương soi chiếu trong cái nhìn, cảm quan người nghệ sĩ trở nên lung linh, đa vẻ, đa màu như chiếc kính vạn hoa kì diệu dưới bàn tay điều khiển của người sáng tác. Thay đổi góc nhìn, thay đổi độ ngắm, bài thơ lại ngồi lên vẻ đẹp mới, tỏa hương.

Ba bài thơ mùa thu được viết nên, nhào nặn nên từ những gì rất thực, rất đời, từ vẻ đẹp của quê hương nhưng hơn thế, cái để tác phẩm sống là phần tình mà nhà văn gửi gắm, trao trọn cho nó. Một trái tim yêu quê, một xúc cảm chân thành nồng nhiệt trước cuộc đời, trước cái đẹp đã thăng hoa, vút lên thành những vần thơ. Tình cảm cùng sự liên tưởng, chọn lựa của nhà thơ đã thổi phồng căng cánh điều hiện thực của quê hương. Hồn thơ tung cánh, câu thơ vút lên, ngân nga như câu hát. Để rồi xúc cảm bạn đọc. Từ trái tim đến trái tim, tác phẩm thơ sống mãi, trường tồn, vượt qua mọi thử thách của thời gian, sự cách trở của không gian, tri âm với triệu triệu con người.

Hơn nữa, cùng bắt nguồn từ hiện thực, vẻ đẹp mùa thu và tâm trạng trước thu, nhà thơ đã luôn đặt mình trong hành trình khám phá, chinh phục và sáng tạo cái mới. Có còn gì chẳng nếu mùa thu muôn đời vẫn thế trong thơ? Cảm quan nghệ sĩ tạo nên sự khác biệt mới lạ trong cách cảm nhận, thể hiện so với các nhà thơ khác và mỗi người lại phải cố gắng không giẫm lên dấu chân người khác và không lặp lại chính mình. Nhờ thế ba bài thơ, ba vẻ đẹp riêng, ba sức hấp dẫn riêng sống mãi. Phải chăng như Nguyễn Tuân phát

biểu: “Thơ là mở ra một cái gì mà trước câu thơ đó, trước nhà thơ đó như là vẫn phong kín”. Mới về nội dung, mới về cảm xúc và mới về nghệ thuật biểu hiện nữa. Bởi như L. Lêônôp đã nói: “Mỗi tác phẩm văn học phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung”. Vẫn là cảnh ấy, tình ấy nhưng ở mỗi bài thơ, Nguyễn Khuyến đã tìm cho mình hệ thống phương tiện ngôn ngữ riêng. Câu chữ thay đổi, nét nghĩa cơ hồ cũng khác trước. Bài thơ, câu thơ không lặp lại. Những lớp nghĩa, những tầng nghĩa khép mở, đổi thay trong hình thức ngôn từ. Có bao nhiêu tinh hoa của ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, biểu cảm, Nguyễn Khuyến đã dành trọng để thể hiện mùa thu làng quê. Câu chữ bình dị mà trong sáng, hình ảnh gần gũi mà giàu sức gợi, sức cảm. Nội dung, hình thức thống nhất, quyện hòa, bình và rượu thống nhất, hòa hợp, đan xen, tạo nên sức hấp dẫn thu hút người đọc vào hành trình bất tận.

Vẻ đẹp chất lọc từ cuộc đời, tình cảm chân thành mãnh liệt vút lên từ trái tim cùng với sự sáng tạo, đổi mới không ngừng trong cảm nhận và biểu hiện vẻ đẹp của cảnh thu, tình thu đã làm nên sức hấp dẫn không gì cưỡng lại nổi của ba bài thơ thu. Phải chăng đó cũng là yêu cầu đặt ra với bất kì một tác phẩm văn học đích thực nào? Vẻ đẹp cuộc đời sẽ nuôi dưỡng, bồi đắp nguồn chất liệu xây nên tác phẩm, tạo nên niềm xúc cảm chân thành, mãnh liệt mà cô đọng, mà tinh lọc nên trang văn. Nhưng hơn hết, sự sáng tạo là không ngừng nghỉ. “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có”. Một tác phẩm như thế tất sẽ tạo nên một lực đủ để nâng nó vượt lên trên mọi dập vùi của định kiến.

Tác phẩm văn học thực sự có giá trị khi nó nói thật, nói chân thành, xúc động và nhất là nói hay về một vẻ đẹp, một cảnh, một tình. Sự đòi hỏi của văn chương là nghiêm ngặt, là khát khe. Chẳng thế mà Nguyễn Bính từng phải kêu lên:

*Ai bảo dính vào duyên bút mực*

*Suốt đời mang lấy số long đong.*

Tác phẩm có giá trị trường tồn cùng thời gian. Cùng với nó, tên tuổi nhà văn, phong cách tác giả sống mãi. Mỗi tác phẩm văn học đích thực là một động lực thúc đẩy sự phát triển của dòng văn học, của kiểu sáng tác và cả nền văn học nói chung.

Có thể nói, Nguyễn Khuyến, bằng tài năng và trái tim người nghệ sĩ, đã cảm nhận và thể hiện tinh tế mùa thu với sắc vẻ riêng, nên thơ và hấp dẫn lạ kì. Nó đã đạt được những yêu cầu chung đối với bất kì tác phẩm văn học chân chính nào: “Thơ là hiện thực, là cuộc đời và còn là thơ nữa”. Cuộc đời cộng hưởng trong cái nhìn, cảm quan người nghệ sĩ tạo nên vốn chất liệu thành tác phẩm. Chắt hồ kết dính, nhào nặn nó chính là sức liên tưởng,



tưởng tượng, sự sáng tạo của riêng thi sĩ. Vì thế chẳng mà ba bài thơ cùng tên tuổi Nguyễn Khuyến sống mãi? Thực tế văn học đặt ra yêu cầu bức thiết cho mỗi nhà văn khi bước chân vào làng văn là phải sống thực sự mà đón nhận tinh lọc cuộc đời, đãi cát tìm vàng giữa bể đời rộng lớn, tinh luyện nên chất muối cuộc đời từ sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa khách quan hiện thực và chủ quan nhà thơ, kết hợp cuộc đời với trái tim giàu xúc cảm, để ngân rung của người sáng tác. Đó không chỉ là đòi hỏi với cá nhân nhà thơ mà cả với dòng thơ, nền thơ.

Hoàng Thị Loan

Trường THPT Lương Đắc Bằng – Thanh Hóa

## Bài làm 2

Không biết tự bao giờ thu đã thành bến đợi của nhiều thi sĩ. Người ta yêu thu bởi cái dịu dàng, nhẹ nhàng mà thanh mảnh. Thu đã gieo tình cho mỗi tâm hồn thi sĩ và dệt vần nên những bài thơ. Cái duyên tình thu ấy đã kết tinh trong thơ Nguyễn Khuyến như một thành công độc đáo. Nói như Xuân Diệu, “trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là ba bài thơ mùa thu: *Thu điếu*, *Thu ẩm*, *Thu vịnh*”. Mỗi bài thơ là một thanh sắc, mỗi khối tình riêng. Nó làm nên dư vị thơ Nguyễn Khuyến – nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

Có thể nói, cho đến hôm nay và mai sau, thơ thu Nguyễn Khuyến vẫn có một giá trị vĩnh hằng. Nó là cảnh sắc, là tâm hồn nước Việt. Người yêu thơ và “sành” thơ, đọc thơ thu Nguyễn Khuyến không khỏi ngạc nhiên vì sức sống mãnh liệt của nó. Vậy trong chùm thơ kia điều gì là bất tử? Cái tài của Nguyễn Khuyến không dừng lại ở những nét vẽ thần thái mà còn bộc lộ ở những nét riêng độc đáo trong mỗi bài thơ. Đọc *Thu điếu*, ngắm *Thu ẩm* và thưởng ngoạn *Thu vịnh*, người ta không thấy nhàm chán bởi một “hơi thơ”, mà càng khám phá người ta càng thấy thú vị. Cái hấp dẫn chung không lẫn át cái hấp dẫn riêng. Tách từng bài thơ vẫn thấy cái hay tuyệt đích. Cái tài của nhà thơ lớn là ở chỗ đó.

Trước hết, cái độc đáo của từng thi phẩm là ở điểm nhìn của tác giả. Mỗi bài thơ thu được nhìn ở một góc, một cách khác nhau. Ở *Thu vịnh* “đó là cái nhìn từ xa đến gần, từ trời thu, gió thu, nước thu, trăng thu đến chùm hoa trước giậu”. Không gian mùa thu ngày càng thu hẹp trong thơ cổ. Bao giờ cũng hướng từ xa đến gần như vậy. Đến *Thu ẩm* lại khác. Nhà thơ không cảm nhận mùa thu bằng điểm nhìn trước mà thay đổi tư thế để tạo nên nét riêng cho bài thơ. *Thu ẩm* được vẽ từ gần đến xa, từ gian nhà cỏ đến làn ao, đến da trời. Tất cả cứ ngày một mở rộng, không gian trong *Thu ẩm* tỏa ra từ cái gần gũi, nhỏ bé đến cái cao rộng của trời thu. Hai bức tranh, hai điểm nhìn khác nhau. Đến *Thu điếu*, Nguyễn Khuyến lại tạo ra bất ngờ mới. Nhà thơ tạo ra không gian đa chiều, hài hòa cân đối. Người ta thấy cả cái rộng

của bầu trời, cái sâu của ngô trúc, và cái bé nhỏ của thuyền câu. Tất cả tạo nên một bức tranh thủy mặc đượm tình tác giả. Chính từ những điểm nhìn khác nhau ấy mà ba bài thơ thu mỗi bài lại mở ra những cảnh sắc độc đáo, riêng biệt, thu được cái thần thái nhất của mùa thu đất Việt.

Ở *Thu vịnh*, người đọc nhận ra những nét bút tinh tế tuy chỉ chấm phá mà thấu tóm được cái thần của mùa thu. Hồn thu nhẹ nhàng tỏa ra trong từng câu chữ:

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,  
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.  
Nước biển trông như tầng khói phủ,  
Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

Cảnh thu hiện ra với những nét đặc sắc nhất, Nguyễn Khuyến đã kịp ghi lại cái *xanh ngắt* đặc trưng của trời thu – cái màu xanh mà không mùa nào có được. Cái xanh đậm mà không tạo ra cái nóng, nó gọi ra cái cao sâu của bầu trời khi thu tới, từng lớp mây xanh trùng điệp, đầy đến cái xanh hun hút mấy tầng cao. Có thể nói, Nguyễn Khuyến đã gắn bó sâu nặng với bầu trời Việt Nam. Không gắn bó thì sao thấy được cái màu sắc thần thái ấy. Ở *Thu điếu* và *Thu vịnh*, cái màu *xanh ngắt* ấy lại được nhắc lại như một *ai nhuốm mà xanh ngắt?* Cả ba bài đều tạo được bầu trời mùa thu sống động. Dù nhìn ở phương diện nào, cái sắc thu vẫn không thay đổi. Nó trở đi trở lại như một thành công của Nguyễn Khuyến.

Cảnh thu không chỉ gọi ra ở cái cao rộng của bầu trời mà còn mở ra những hình ảnh khác. Nhà thơ của làng cảnh Việt Nam không vẽ nhiều nhưng từ bức tranh tưởng như đơn sơ lại có sức tỏa ra những ý nghĩa khôn cùng. Cái chung của ba bức tranh là nét thanh mảnh, dịu dàng. Mùa thu trong thơ Nguyễn Khuyến chờ được cái nhẹ nhàng, hiu hắt của gió thu, cái không khí se sắt, lạnh buồn và cái tĩnh tuyệt đối trong thơ cổ. Nhưng quan trọng là cái bức tranh ấy gọi ra mỗi lúc một hấp dẫn, mới mẻ, nó không trùng lặp lại nét vẽ cũ. Mỗi lần Nguyễn Khuyến chọn màu, vung bút là một lần cảnh sắc ấy được hiện diện với những nét mới mẻ. Mỗi bài đều tạo được những dấu ấn thu riêng không thể lẫn. Ở *Thu vịnh*, người ta nhớ đến cái *cần trúc*, cái *nước biếc*, cái *hoa năm ngoái*. Tất cả đều được đặc tả một cách khéo léo và tinh tế. Cần trúc mảnh mai, đưa nhẹ trong gió tạo được cái mềm dịu của không gian thu. Nước biếc trong xanh so sánh với khói phủ vừa gọi được cái thực của màu nước mùa thu với gọi cái mơ hồ rất duyên dáng. Đến hình ảnh hoa năm ngoái thì đã mang đầy tâm sự. Nó không chỉ đánh dấu thời gian luân chuyển một năm mà còn ẩn chứa cái bí ẩn trong tâm hồn tác giả. Năm ngoái hoa đáng yêu hơn hay vì năm nay thế sự đổi thay mà nhà thơ day dứt? Kết hợp với hình ảnh giếng nước nào lại càng chứng thực khối tình tác giả. Hóa ra nhìn ngắm mùa thu, Nguyễn Khuyến không chỉ có tình yêu thiên nhiên sâu sắc mà còn có tâm sự yêu nước thầm kín. Tâm sự ấy trở thành nỗi thẹn cuối bài:

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,  
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

Cái thẹn về khí tiết thực chất là cái thẹn của một tâm hồn thanh cao, suốt đời u uẩn một nỗi niềm. Nguyễn Khuyến là nhà nho lấy “trí quân trạch dân” làm quan niệm sống, làm lí tưởng chiến đấu. Trong thời bình có lẽ cái lí tưởng ấy sẽ được thỏa nguyện. Nhưng thời thế Nguyễn Khuyến không cho cái chí phò vua giúp nước thỏa nguyện. Cái đê hèn của triều Nguyễn hàng giặc đã khiến nhà thơ day dứt khôn nguôi. Về hay ở luôn là nỗi băn khoăn của một nhà nho yêu nước. Chính vì thế nên mới có cái *thẹn* cao cả ở bài thơ.

Đến *Thu điếu*, người ta lại thấy những nét vẽ khác. Cũng cái thanh, cái tĩnh, cái lặng nhưng chúng mang một màu sắc riêng. Nhà thơ lấy cái chất liệu *ao, thuyền* để gợi cái lạnh lẽo của nước thu và cái bé nhỏ của *chiếc thuyền câu*. Những tính từ được sử dụng hết sức chính xác. Lạnh lẽo, tẻo tẻo, tất cả đều thu được cái thần của mùa thu. Có thể nói Nguyễn Khuyến đã sáng tạo cho riêng mình một thế giới vừa trong lành vừa u uẩn. Sự đối lập giữa cái rộng của ao thu với cái bé của thuyền câu càng làm không gian thu cô đặc. Người đọc không chỉ nhận ra từng nét đặc trưng thu mà còn nhận ra cái cảm nhận mang tâm trạng thi sĩ. Hơn nữa cách sử dụng âm eo đầy thú vị đã ngày một khép lại, làm chiếc thuyền câu ngày một nhỏ thêm, nhỏ thêm đến sợ hãi. Nhà thơ sử dụng độc vận không khó khăn mà tạo được hiệu quả thẩm mỹ bất ngờ. Chưa hết, cái tài của Nguyễn Khuyến trong *Thu điếu* còn ở chỗ tả được cái gió thu nhẹ qua làn *sóng biếc hơi gợn tí* và hình ảnh *chiếc lá vàng khẽ đưa vèo*. Đọc câu thơ, người ta có cảm tưởng gió thu đang lướt qua mặt mình, nhẹ thôi nhưng rất rõ. Đến cái sâu hút quanh co của ngõ vắng, Nguyễn Khuyến lại dùng âm eo:

*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

Nếu ở trên *cần trúc* gợi mãnh, gợi thanh thì ở dưới *ngõ trúc* gợi cái nhỏ hẹp đặc trưng của làng quê Việt Nam. *Ngõ trúc* vừa là hình ảnh quen thuộc vừa gợi ra cái cô quanh, vắng vẻ đến *lạnh lẽo*.

Tài thơ của Nguyễn Khuyến là ở chỗ cùng nói về mùa thu nhưng không lần nào không khiến người ta hứng thú. Bức tranh trong *Thu điếu* cũng được vẽ với những nét chấm phá như *Thu vịnh* nhưng rõ ràng mang hơi sắc khác. Ở đây tất cả chìm vào cái lạnh và cái tĩnh đến rợn người. Hình ảnh ông già bó gối câu cá cuối bài thơ như chìm trong cái không gian lạnh vắng ấy, ông miên man suy nghĩ gì, chợt nhận ra:

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

Cái hay của câu thơ không chỉ ở cái tài lấy động tả tĩnh mà ở cái tài thổi hồn vào sự vật. Tâm sự của nhân vật trữ tình cũng u uẩn như trong *Thu vịnh*. Cái “ưu thời mãn thế” hiện rõ, chỉ có điều nó hiện ra ở cách thức khác, cô tủa trong dáng ngồi bó gối bất động. Ông già câu cá kia ngồi trong cái *thuyền câu* nhỏ, nhìn ngắm cảnh sắc thu hay băn khoăn điều gì? Ông câu

thanh, câu vắng hay câu đợi người tri kỉ tri âm, hay câu thòi cuộc? Chỉ biết rằng cái cần câu bất động kia là cái cần câu đầy tâm trạng.

Nếu ở *Thu vịnh*, cảnh thu gọi từ xa đến gần, *Thu điếu* hài hòa cân đối nhiều chiều, thì ở *Thu ẩm*, cảnh thu gọi từ gần đến xa. Nhà thơ hiện ra trong cảnh uống rượu. Thế nên mọi hình ảnh cứ nhạt nhòa, *loe* đỏ, từ gian nhà cỏ đến cái *ngõ tối*, đến *bóng trăng*... Tất cả đều phẳng phát cái hơi men buồn bực. Cảnh thì xinh xắn, đượm chất thu đầy nhưng ẩn trong đó là cái tình không dứt. Vẫn cái tài sử dụng độc vận, vẫn cái nghệ thuật tương phản lẩy sáng tả tối, vẫn cái chấm phá tài tình nhưng bức tranh thu hiện ra lại khác. Nó không nhẹ như ở *Thu vịnh*, không tĩnh như ở *Thu điếu* mà nhỏ nhắn, giản dị. Thu trong con mắt người uống rượu khác với thu trong con mắt người câu cá và làm thơ. Cảnh in vào người đọc một nét riêng với cái thấp *le te*, cái *lập lòe*, cái màu *khói nhạt* và *bóng trăng loe* đỏ xuống làn *ao*. Đặc biệt là cái tình. Nếu ở hai bài thơ trước cái tình vẫn giấu, vẫn cố nén thì ở bài thơ này, hình như khối u ẩn kia không chịu được nữa, phải cất thành lời:

*Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?  
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.  
Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy,  
Độ năm ba chén đã say nhè.*

Người làm thơ thất bại vì nổi *thẹn*, người câu cá thất bại vì không có cá, đến uống rượu, người hiện diện trong thơ vẫn không được thỏa nguyện. Ông già uống rượu như một cách giải sầu nhưng càng uống càng tỉnh, càng say càng da diết buồn. Chính vì vậy mà thiên nhiên mới thấm đẫm tâm sự như vậy. Cái đối lập giữa sắc *xanh ngắt* của trời với cái *đỏ hoe* của mắt làm nên cái buồn riêng Nguyễn Khuyến. Vẫn cái tâm sự ấy không lần nào thoát ra để nhà thơ ngắm cảnh. Ít hay nhiều, dù bằng cách nào nó cũng trở thành nội dung chính của bài thơ. Người ẩn sĩ có tìm đến thơ, đến cá, hay đến rượu cũng chỉ để tìm đến lòng mình. Đọc ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến thấy đúng cái thần thái của làng cảnh Việt Nam. Từ cảnh vật đến đặc sắc nghệ thuật, tất cả đều kết tinh từ hồn quê đất nước. Nhưng quan trọng là phải nhận ra khối tình mang xuống tuyến dài chưa tan. Phải có cái tình ấy thì ba bài thơ *thu* mới cất cánh, Nguyễn Khuyến mới trở thành nhà thơ kì tài. Và đúng như Xuân Diệu đã nhận xét, “trong thơ Nôm Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là thơ mùa thu: *Thu điếu*, *Thu ẩm*, *Thu vịnh*”. Chùm thơ thu không chỉ đem đến cho thi ca Việt Nam những bức tranh thủy mặc cổ điển thần thái mà còn chứng tỏ tài nghệ bậc thầy của Nguyễn Khuyến. Nhà thơ đã sáng tạo không ngừng để góp nên hương sắc riêng cho mỗi bài thơ *thu*. Nếu không có sức sáng tạo ấy thì nhiều lắm, thơ *thu* Nguyễn Khuyến chỉ sống một bài.

Có thể nói cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ là yếu tố quyết định trong văn học nghệ thuật. Nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm. Từ quá trình

thai nghén cảm xúc đến quá trình chọn lựa ngôn từ và thể hiện... tất cả đều mang dấu ấn riêng, không lẫn được. Đó là phong cách độc đáo của một nhà văn. Và nói như Nam Cao, “văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có”. Tính sáng tạo trong văn chương là sự tồn tại của nhà văn và tác phẩm. Không có sự sáng tạo ấy thì giữa trăm nghìn thanh âm hỗn độn, người ta sẽ không nhận ra Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh, Thạch Lam, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân hay Nam Cao... Người nghệ sĩ lớn là người tạo được dấu ấn riêng của mình cả về cái nhìn độc đáo lẫn nghệ thuật biểu hiện. Ba bài thơ *thu* của Nguyễn Khuyến đã tạo được dấu ấn ấy. Người ta nhận ra con người thơ gắn bó với cuộc sống, và u uẩn suốt đời tiếng kêu cứu nước. Cái tình riêng ấy được chứng thực qua những bức tranh *thu* và khối tình day dứt. Nhưng đặc sắc hơn, người ta không chỉ nhận ra cái khả năng riêng trong từng bài. Mỗi bài một nét vẽ, một dấu ấn, không bài nào giống bài nào.

Sau này cùng viết về đề tài mùa *thu*, những tác phẩm sống được cũng là những tác phẩm độc đáo và mới mẻ, ví như *Đây mùa *thu* tới* của Xuân Diệu, nếu không có con mắt xanh non, cái tôi trẻ trung mở mọi giác quan đón nhận cuộc sống thì làm sao đứng vững được. Sở dĩ người ta nhớ *Đây mùa *thu* tới* là bởi nhà thơ đã thổi được và đó cái hồn thơ mới, đồng thời sáng tạo lại những thi liệu cũ, khiến con người là chủ thể, là thước đo mọi giá trị của thiên nhiên. Những câu thơ như: *Những luồng run rẩy rung rinh lá* là những câu thơ chỉ riêng Xuân Diệu mới có. Nó chứng tỏ quan niệm “thơ là công việc của cá nhân thi sĩ làm” được thực hiện nghiêm túc và đúng đắn.

Như vậy giá trị của ba bài thơ *thu* không chỉ ở phương diện nội dung và nghệ thuật mà còn đem đến quan điểm đúng đắn cho thơ ca. Đó là vấn đề sáng tạo của người nghệ sĩ. Đây là “phương thức tồn tại”, là ngọn nguồn nuôi dưỡng sức sống tác phẩm. Nhưng để sáng tạo và có phong cách, người nghệ sĩ phải làm gì? Đó là câu hỏi lớn mà phải qua thực tiễn sáng tác mới đúc kết được. Ở bản thân Nguyễn Khuyến, người ta nhận ra hai yếu tố quan trọng là tài năng và tấm lòng. Để cảm nhận được mùa *thu* thần diệu đến thế nếu không yêu thiên nhiên, không có vốn sống chất lọc trong quãng đời ở nông thôn thì làm sao kết tinh được? Nguyễn Khuyến là một phong cách lớn cho các thế hệ nhà văn noi theo. Hãy trải lòng với cuộc đời, hãy để những dư vang của thời đại thấm vào da thịt, lẫn lộn trong những hoàn cảnh khắc nghiệt để góp nhặt cho mình một túi đầy hình ảnh và sự kiện. Qua quá trình rèn luyện câu chữ của mình, tình mình trong đó.

Sức gọi của ba bài thơ *thu* do đó rất lớn, không chỉ gọi hình, gọi tình mà còn mở ra chân lí đúng đắn cho người nghệ sĩ.

Vũ Thùy Dung

Trường THPT chuyên Trần Phú – Hải Phòng